TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PL** TỈNH GIA LAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/12/2022.
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PL, TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và ông Nguyễn Bá Lý.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Thúy Vân - Cán bộ Toà án nhân dân THÀNH PHỐ PL, tỉnh Gia Lai.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân THÀNH PHỐ PL tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân THÀNH PHỐ PL, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 643/2022/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2022 của Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ PL, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu N, sinhnăm 1979;
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: 59/376 Lê Duẩn, tổ 7, phường T, THÀNH PHỐ PL, tỉnh Gia Lai.

(Chị Ncó đơn xin xét xử vắng mặt; anh Pvắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nvà anh Ptự nguyện đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Kvào ngày 27/02/2003. Trong thời gian chung sống đã nhiều lần mâu thuẫn và không hợp nhau, theo như Chị Ntrình bày thì anh Pđã có tình nhân bên ngoài, nên khi về nhà anh Phay tạo ra mâu thuẫn với Chị Nvà bạo lực tinh

thần có những lời nói khó nghe làm cho tinh thần Chị Nmệt mỏi không thể tiếp tục sống chung với anh Phi. Nay chị có đơn yêu cầu tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Nguyễn Thanh P.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân Chị Nvới anh Pcó 2 con chung là Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày: 29/7/2003 và cháu Nguyễn Thị Xuân N, sinh ngày: 13/01/2010. Đối với cháu Trđã thành niên tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Ng, Chị Ncó nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con Chị Nđề nghị anh Pphải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi cháu Ng thành niên.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh P có bản tự khai trình bày:

- Về hôn nhân: Qua thời gian tự nguyện tìm hiểu anh Pvà Chị Nđã đi đến hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân Xã C, huyện C, tỉnh K vào năm 2003. Theo anh Ptrình bày, về thời gian chung sống giữa anh với Chị Nbình thường, anh không nói những ngôn ngữ khó nghe ảnh hưởng đến tinh thần Chị Nnhư Chị Nđã trình bày, vì vậy anh không đồng ý ly hôn;

- Về con chung: anh với Chị Ncó 2 con chung là Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày: 29/7/2003 và Nguyễn Thị Xuân N, sinh ngày: 13/01/2010.

Vì anh Pkhông đồng ý ly hôn, nên anh không yêu cầu giải quyết về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Bị đơn cư trú tại THÀNH PHỐ PL nên Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ PL thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét về tình cảm giữa Chị Nvới anh Phi, Chị Nnhận thấy hôn nhân không hạnh phúc nên không thể kéo dài và đề nghị được ly hôn với anh Phi. Về con chung, theo nguyện vọng của Chị Nmuốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ng và nguyện vọng của cháu Ng cũng muốn ở với chị Nga, vì vậy việc giao con chung Nguyễn Thị Xuân N, sinh ngày: 13/01/2010 cho Chị Ntrực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên và tự lập là hợp lý; riêng cháu Trđã thành niên tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về cấp dưỡng nuôi con, việc Chị Nyêu cầu anh Pphải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ng là 2.000.000đ/tháng cho đến khi thành niên và tự lập là phù hợp với quy định pháp luật. Vây đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được

thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Thu N khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Nguyễn Thanh P có địa chỉ tại THÀNH PHỐ PL, tỉnh Gia Lai. Đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân THÀNH PHỐ PL theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nvà anh Ptự nguyện tìm hiểu sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Kvào ngày 27/02/2003 theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Tại buổi hòa giải anh Nguyễn Thanh P không muốn ly hôn, vì anh cho rằng anh không bạo lực gia đình, không có người phụ nữ khác bên ngoài như Chị Ntrình bày mà nguyên nhân là do Chị Nsuy nghĩ về kinh tế nên suy sụp tinh thần, vì vậy anh không đồng ý ly hôn. Về Chị Nthì xác định không còn yêu thương anh Phi, dẫn đến việc Chị Nnhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài nên muốn được ly hôn anh Nguyễn Thanh P.

Qua xác minh tại địa phương thì về tình trạng hôn nhân giữa anh Pvà Chị Nđịa phương không nắm rõ vì gia đình không khai báo, chỉ biết anh Pvới Chị Nvẫn sống chung một nhà, tuy nhiên anh Plàm nghề lái xe nên không thường xuyên có mặt ở địa phương vào giờ hành chính.

Xét về tình cảm giữa Chị Nvới anh Phi, mặc dù cả hai vẫn sống chung một nhà nhưng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, bản thân Chị Nkhông còn tình cảm yêu thương anh Pvì lý do anh Pluôn có những lời nói bạo lực về tinh thần, làm chị không còn tình cảm để tiếp tục sống chung với anh Phi, Chị Nnhận thấy cả hai không có có tiếng nói chung, hôn nhân không hạnh phúc, từ đó mẫu thuẫn gia đình càng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt dẫn đến Chị Nmuốn được ly hôn anh Plà có căn cứ chấp nhận.

Về con chung, Chị Nvới anh Pcó 2 con chung là Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày: 29/7/2003 và Nguyễn Thị Xuân N, sinh ngày: 13/01/2010. Đối với cháu Trđã thành niên tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Ng có nguyện vọng được ở với Chị Nvà Chị Ncũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Ng. Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, qui định rõ về việc: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Xét về nguyện vọng của cháu Ng và nguyện vọng của Chị Nthì việc giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Thị Xuân N cho Chị Ntrực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên là hoàn toàn hợp lý.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Việc giao con chung là cháu Nguyễn Thị Xuân N cho Chị Ntrực tiếp nuôi dưỡng, thì anh Pcũng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi con chung cùng Chị Nlà phù hợp, vì vậy xét theo yêu cầu của Chị Nthì việc buộc anh Pphải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Thị Xuân N với mức 2.000.000đồng/tháng cho đến khi cháu Ng thành niên là hoàn toàn phù hợp với quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227, 146, 147, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 ***(Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án)*** **và Danh mục án phí, lệ phí Toà án.**

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu N.

Chị Nguyễn Thị Thu N được ly hôn anh Nguyễn Thanh P.

2. Giao con chung là Nguyễn Thị Xuân N, sinh ngày 13/01/2010 cho Chị Ntrực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi thành niên. Đối với cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 29/7/2003 đã thành niên tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Nguyễn Thanh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Thị Xuân N là 2.000.000đ (Hai triệu đồng)/tháng, cho đến khi cháu Ng thành niên, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả (theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015).

4. Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị Thu N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án đã nộp là: 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: 0002487 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự THÀNH PHỐ PL, tỉnh Gia Lai. Chị Nđã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Nguyễn Thanh P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) để sung công.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- Chi cục THADS Tp.Pleiku;
- (UBND xã Cam Hải Tây, huyện Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa; Số: 10/2003, Quyển số: 01/2003; ĐK ngày 27/02/2003).
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA